

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH LỢI
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2024/DS-ST

Ngày: 10 - 9 - 2024

V/v tranh chấp hợp đồng

chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH LỢI, TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Trang Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hoài Tân

2. Bà Trần Thị Phương Anh

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thúy Hằng, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Xuân - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 28/2024/TLST – DS ngày 01 tháng 02 năm 2024 về “Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2024/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Văn Đ**, sinh năm 1971 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp X, thị trấn C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

2. Bị đơn:

2.1. Ông **Nguyễn Văn G**, sinh năm 1964 (có mặt)

2.2. Bà **Hà Thị N** (Hà Mỹ N), sinh năm 1960 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp T, thị trấn C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà **Ông Thị N1**, sinh năm 1971 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp X, thị trấn C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

3.2. Anh **Nguyễn Văn P**, sinh năm 1985 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp T, thị trấn C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

3.3. Chị **Nguyễn Thị N2**, sinh năm 1987 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Q, xã H, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

3.4. Chị **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1990 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã M, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

3.5. Anh **Nguyễn Quốc K**, sinh năm 1997 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

3.6. Ông **Huỳnh Văn T**, sinh năm 1965 (vắng mặt)

3.7. Bà **Hà Thị P1**, sinh năm 1964 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp X, thị trấn C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 22/01/2024, đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện đề ngày 26/6/2024, nguyên đơn ông Nguyễn Văn Đ trình bày: Ông Đ là em ruột của ông Nguyễn Văn G. Vào ngày 13/9/2005, ông Đ nhận chuyển nhượng đất trồng lúa của vợ chồng ông Nguyễn Văn G và bà Hà Thị N, diện tích 02 công 06 tầm cây, với giá 20.000.000 đồng, hai bên có làm “Tờ nhượng đất đức vĩnh viễn”, có xác nhận của T1 ấp ông Đoàn Văn Q vào ngày 09/10/2009. Sau khi ký Tờ nhượng đất thì ông Đ giao tiền cho ông G và bà N, vợ chồng ông G giao đất cho ông Đ sử dụng. Phần đất chuyển nhượng đo đạc thực tế 2.584,3m² tọa lạc ấp T, thị trấn C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu, hiện ông Đ cho vợ chồng ông Huỳnh Văn T, bà Hà Thị P1 thuê đất. Nguyên nhân ông Đ tranh chấp với ông G, bà H1, do nhiều lần ông Đ yêu cầu ông G, bà H1 chuyển quyền sử dụng đất cho ông Đ, nhưng ông G nhiều lần hứa hẹn và không thực hiện, ông G không đồng ý đến cơ quan có thẩm quyền để thực hiện thủ tục chuyển quyền sử dụng đất cho ông Đ. Nay, ông Đ khởi kiện yêu cầu công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Đ với ông G, bà H1 theo “Tờ nhượng đất đức vĩnh viễn” ngày 13/9/2005 để ông Đ và bà N1 được cấp quyền sử dụng đất diện tích 2.584,3m² tọa lạc ấp T, thị trấn C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn Nguyễn Văn G trình bày: Ông G thống nhất lời trình bày của ông Đ về thời gian chuyển nhượng đất, diện tích đất và số tiền chuyển nhượng đất, thống nhất nội dung “Tờ nhượng đất đức vĩnh viễn” lập ngày 13/9/2005. Vợ chồng ông G đã nhận tiền chuyển nhượng 20.000.000 đồng và giao đất cho ông Đ sử dụng đến nay. Phần đất tranh chấp có diện tích đo đạc 2.584,3m² thuộc một phần thửa 601 tờ bản đồ số 12 do hộ ông Nguyễn Văn G đứng tên, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số O 568204 do Ủy ban nhân huyện V cấp ngày 14/11/2000. Thời điểm chuyển nhượng đất cho ông Đ, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông G đang thế chấp vay vốn Ngân hàng N5 Chi nhánh huyện V nên chưa chuyển quyền sử dụng đất cho ông Đ. Nhiều lần ông G có nói với ông Đ sau khi trả nợ Ngân hàng và lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì sẽ chuyển quyền nhưng ông Đ không đồng ý và khởi kiện. Hiện ông G đã trả nợ xong cho Ngân hàng và đang quản lý giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông G vẫn đồng ý tiếp tục chuyển nhượng cho ông Đ nhưng ông Đ đã khởi kiện thì Tòa án giải quyết theo quy định, ông G không đồng ý đến cơ quan chuyên môn để chuyển tên quyền sử dụng đất cho ông Đ.

Bị đơn bà Hà Thị N (Hà Mỹ N), trình bày tại biên bản lấy lời khai ngày 30/8/2024: Bà N là vợ của ông G thống nhất với lời trình bày của ông G về giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Đ và đồng ý tiếp tục chuyển nhượng đất cho ông Đ. Tuy nhiên, do giữa hai bên mâu thuẫn nên gia đình bà N không đến cơ quan chuyên môn để làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất cho ông Đ. Ông Đ đã khởi kiện thì Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Văn T, bà Hà Thị P1 trình bày tại biên bản lấy lời khai ngày 30/8/2024: Ông T và bà P1 là người thuê đất của ông Đ. Vào năm 2021, ông T và bà P1 có thuê 02 công đất của ông Đ để trồng lúa, với giá 6.000.000 đồng/năm, thời hạn thuê 01 năm, hai bên không ký hợp đồng thuê và thoả thuận sau khi hết thời hạn thuê nếu có nhu cầu thuê lại đất canh tác thì tiếp tục trả tiền thuê. Tại thời điểm thuê thì đất ông Đ canh tác nên không biết đất do ông G đứng tên quyền sử dụng. Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Đ thì ông T và bà P1 không có ý kiến. Ông T và bà P1 không có yêu cầu gì đối với giao dịch thuê đất giữa ông Đ với ông T, bà P1.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Ông Thị N1: Bà N1 là vợ của ông Đ, thống nhất lời trình bày và yêu cầu khởi kiện của ông Đ. Bà N1 yêu cầu Tòa án công nhận diện tích 2.584,3m² cho vợ chồng bà N1.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn P là con của ông G và bà N, không đồng ý cung cấp lời khai do anh P không biết giao dịch chuyển nhượng đất giữa ông Đ với ông G, nhưng anh P biết đất của gia đình có chuyển nhượng cho ông Đ và đồng ý tiếp tục chuyển nhượng cho ông Đ. Do ông Đ khởi kiện nên Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị N2, chị Nguyễn Thị H, anh Nguyễn Quốc K là con của ông G và bà N, từ khi tham gia tố tụng đến khi đến khi Tòa án mở phiên tòa xét xử, chị N2, chị H, anh K đều vắng mặt nên không có lời trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lợi phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý cho đến phiên tòa xét xử sơ thẩm, Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn và bị đơn ông Nguyễn Văn G đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng được quy định tại các Điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn bà Hà Thị N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng được quy định tại các Điều 70, 72, 73 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Đ đối với ông G, bà N; giao diện tích đất 2.584,3m² thuộc thửa 97 tờ bản đồ 24 (thuộc một phần thửa 601 tờ bản đồ 12 cũ), tọa lạc ấp T, thị trấn C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu cho ông Đ, bà N1 được tiếp tục sử dụng. Ông Đ, bà N1 có quyền đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đăng ký biến động đối với diện tích đất 2.584,3m² thuộc thửa 97 tờ bản đồ 24 (thuộc một phần thửa 601 tờ bản đồ 12 cũ). Chi phí tố tụng và án phí đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Ông Đ khởi kiện ông G và bà N yêu cầu công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo “Tờ nhượng đất đức vĩnh viễn” lập ngày 13/9/2005. Do vậy, quan hệ tranh chấp trong vụ án là tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo quy định khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông G, bà N trú tại ấp T, thị trấn C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu và đất tranh chấp tọa lạc ấp T, thị trấn C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu. Căn cứ quy định khoản 1 Điều 35, điểm a và điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng:

[2.1] Ông T, bà P1 có yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T, bà P1 theo quy định khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bà N, anh P, chị N2, chị H, anh K đã được triệu tập lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà N, anh P, chị N2, chị H, anh K theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.2] Tại Đơn khởi kiện đề ngày 22/01/2024, ông Đ yêu cầu công nhận hợp đồng chuyển nhượng đất giữa ông Đ với ông G đối với diện tích 02 công tằm cây đất trồng lúa (tương đương 2.600m²). Do thời điểm khởi kiện chưa xác định được diện tích cụ thể bao nhiêu nên sau khi đo đạc thực tế ông Đ thay đổi yêu cầu khởi kiện yêu cầu Tòa án công nhận hợp đồng chuyển nhượng đất giữa ông Đ với ông G đối với diện tích đất 2.584,3m². Xét thấy, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của ông Đ về diện tích đất tranh chấp không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu nên Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung:

[3.1] Theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 26/3/2024 và Bản vẽ mặt bằng hiện trạng đất tranh chấp ngày 30/3/2024, thể hiện đất tranh chấp có diện tích 2.584,3m² thuộc thửa 97 tờ bản đồ 24 (thuộc một phần thửa 601 tờ bản đồ 12 cũ) do hộ ông Nguyễn Văn G đứng tên quyền sử dụng; có vị trí, số đo như sau:

Hướng Đông giáp đất ông Thái Văn N3 số đo 59,13m + 6,89m;

Hướng Tây giáp đất ông Nguyễn Văn G sử dụng không tranh chấp số đo 76,56m;

Hướng Nam giáp đất với ông Nguyễn Văn P và ông Huỳnh Văn K1 số đo 4,25m + 19,26m + 12,86m;

Hướng Bắc giáp đất với ông Võ Văn L, ông Võ Văn H2 số đo 2,51m + 34,26m.

Hiện trạng: Đất trồng lúa do vợ chồng ông T, bà P1 đang sử dụng.

[3.2] Ông Đ và ông G đều thống nhất có ký “Tờ nhượng đất đức vĩnh viễn” ngày 13/9/2005, ông G chuyển nhượng 02 công tằm cây đất trồng lúa, với giá 20.000.000 đồng cho ông Đ nên giữa ông Đ với ông G phát sinh giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

[3.2] Xét hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất;

[3.2.1] Về hình thức, “Tờ nhượng đất đực vĩnh viễn” ngày 13/9/2005 có xác nhận của ông Đoàn Văn Q là Trưởng ấp T, thị trấn C, huyện V, nhưng không được chứng thực theo quy định tại Điều 707 Bộ luật Dân sự năm 1995 nên hình thức hợp đồng chuyển nhượng không đúng quy định.

[3.2.2] Về nội dung: Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số O 568204 do Ủy ban nhân huyện V cấp ngày 14/11/2000, diện tích 10.367m² thuộc các thửa 488, 489, 601, 1186 cùng tờ bản đồ số 12, trong đó có diện tích đất tranh chấp 2.584,3m², thuộc một phần thửa 601 tờ bản đồ 12 do hộ ông Nguyễn Văn G đứng tên quyền sử dụng đất. Theo Công văn số 72/CAVL-HC ngày 13/3/2024 của Công an huyện V, thể hiện hộ ông Nguyễn Văn G thời điểm năm 2000 có các thành viên gồm ông Nguyễn Văn G, bà Hà Thị N, anh Nguyễn Văn P, chị Nguyễn Thị N2, chị Nguyễn Thị H. Như vậy, thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hộ ông G ngoài vợ chồng của ông G thì các con của ông G chỉ có anh P 15 tuổi, lời khai của ông G cũng xác định các con của ông G còn nhỏ không có công sức đóng góp. Mặt khác, hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông G không thể hiện danh sách hộ được cấp quyền sử dụng đất. Từ đó, có căn cứ xác định hộ ông Nguyễn Văn G tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là cấp cho hộ gia đình gồm hai thành viên vợ chồng ông Nguyễn Văn G và bà Hà Thị N (Hà Mỹ N).

[3.2.3] Ông G cho rằng tại thời điểm chuyển nhượng quyền sử dụng đất, ông G đang thế chấp quyền sử dụng đất vay vốn Ngân hàng N5 - Chi nhánh huyện V, nhưng hiện ông G đã trả nợ xong cho Ngân hàng và đã xóa thế chấp quyền sử dụng đất, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông G đang quản lý. Ông G, bà N đều xác định ông G, bà N vẫn đồng ý tiếp tục chuyển nhượng đất diện tích 2.584,3m² cho ông Đ. Thấy rằng, mặc dù thời điểm chuyển nhượng quyền sử dụng đất đang thế chấp vay vốn Ngân hàng, nhưng hiện ông G đã xóa thế chấp quyền sử dụng đất, ông G và bà N cũng đồng ý tiếp tục chuyển nhượng đất cho ông Đ, đồng ý giao đất cho ông Đ và bà N1 sử dụng. Áp dụng Án lệ số 55/2022/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 07 tháng 9 năm 2022 và được công bố theo Quyết định số 323/QĐ-CA ngày 14 tháng 10 năm 2022 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Hội đồng xét xử công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Đ với ông G theo “Tờ nhượng đất đực vĩnh viễn” ngày 13/9/2005; giao diện tích đất 2.584,3m² thuộc thửa 97 tờ bản đồ 24 (thuộc một phần thửa 601 tờ bản đồ 12 cũ) cho ông Đ, bà N1 tiếp tục quản lý, sử dụng; ông Đ và bà N1 được quyền đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đăng ký biến động đối với thửa đất 2.584,3m² thuộc thửa 97 tờ bản đồ 24 (thuộc một phần thửa 601 tờ bản đồ 12 cũ) do hộ ông Nguyễn Văn G đứng tên quyền sử dụng đất.

[3.3] Đối với giao dịch cho thuê đất giữa ông Đ với ông T, bà P1, do các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3.4] Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá đất tranh chấp 12.316.189 đồng ông G và bà N phải chịu. Ông Đ đã dự nộp số tiền 12.316.189 đồng, ông G và bà N phải có nghĩa vụ hoàn lại số tiền 12.316.189 đồng cho ông Đ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Lợi.

[3.5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông G và bà N phải chịu án phí không có giá ngạch 300.000 đồng. Ông Đ không chịu án phí, ông Đ đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo Biên lai số 0003886 ngày 01 tháng 02 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Lợi được hoàn lại số tiền 300.000 đồng.

[3.6] Từ những phân tích nêu trên, có căn cứ chấp nhận lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a và điểm c khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 158, Điều 165, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Điều 500 Bộ luật Dân sự năm 2015; Áp dụng Án lệ số 55/2022/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 07 tháng 9 năm 2022 và được công bố theo Quyết định số 323/QĐ-CA ngày 14 tháng 10 năm 2022 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao; Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Đ đối với ông Nguyễn Văn G và bà Hà Thị N (Hà Mỹ N), về yêu cầu công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

2. Công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Nguyễn Văn Đ với ông Nguyễn Văn G và bà Hà Thị N (Hà Mỹ N4) theo “Tờ nhượng đất đức vĩnh viễn” ngày 13 tháng 9 năm 2005.

3. Giao cho ông Nguyễn Văn Đ và bà Ô Thị N1 tiếp tục quản lý, sử dụng diện tích đất 2.584,3m², thuộc thửa 97 tờ bản đồ 24 (thuộc một phần thửa 601 tờ bản đồ 12 cũ), tọa lạc ấp T, thị trấn C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu, có vị trí và số đo như sau:

Hướng Đông giáp đất ông Thái Văn N3 số đo 59,13m + 6,89m;

Hướng Tây giáp đất ông Nguyễn Văn G sử dụng không tranh chấp số đo 76,56m;

Hướng Nam giáp đất với ông Nguyễn Văn P và ông Huỳnh Văn K1 số đo 4,25m + 19,26m + 12,86m;

Hướng Bắc giáp đất với ông Võ Văn L, ông Võ Văn H2 số đo 2,51m + 34,26m.

(Trích đo thửa đất tranh chấp là bộ phận không thể tách rời của bản án).

4. Ông Nguyễn Văn Đ và bà Ô Thị N1 có quyền đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đăng ký biến động đối với thửa đất 2.584,3m² thuộc thửa 97 tờ bản đồ 24 (thuộc một phần thửa 601 tờ bản đồ 12 cũ), do hộ ông Nguyễn Văn G đứng tên theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số O 568204 do Ủy ban nhân huyện V cấp ngày 14 tháng 11 năm 2000.

5. Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá đất tranh chấp 12.316.189 đồng (mười hai triệu ba trăm mười sáu nghìn một trăm tám mươi chín đồng). Ông

Nguyễn Văn G và bà Hà Thị N (Hà Mỹ N) phải chịu số tiền 12.316.189 đồng (mười hai triệu ba trăm mười sáu nghìn một trăm tám mươi chín đồng). Ông Nguyễn Văn Đ đã dự nộp số tiền 12.316.189 đồng (mười hai triệu ba trăm mười sáu nghìn một trăm tám mươi chín đồng), ông Nguyễn Văn G và bà Hà Thị N (Hà Mỹ N) phải có nghĩa vụ hoàn lại số tiền 12.316.189 đồng (mười hai triệu ba trăm mười sáu nghìn một trăm tám mươi chín đồng) cho ông Nguyễn Văn Đ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu.

6. Án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch: Ông Nguyễn Văn G và bà Hà Thị N (Hà Mỹ N) phải chịu số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Ông Nguyễn Văn Đ không chịu án phí, ông Nguyễn Văn Đ đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai số 0003886 ngày 01 tháng 02 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Lợi, được hoàn lại số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu.

7. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

8. Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời gian 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Vĩnh Lợi;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Lợi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

Ngô Trang Thảo